

Biến đổi khí hậu và quyền con người: Một số nhìn nhận ban đầu

TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG*

TH.S. VŨ HUY THỰC**

Kể từ những thập niên cuối của thế kỷ XX, nhân loại đã chứng kiến sự xuất hiện của một thách thức phát triển to lớn, mang tính toàn cầu là vấn đề biến đổi khí hậu (BĐKH). Những tác động của BĐKH đang dần được nhận thức sâu sắc hơn, trong đó có những tác động đối với việc hưởng thụ và thực thi các quyền cơ bản của con người.

Bài viết này phân tích mối liên hệ giữa BĐKH và quyền con người (QCN) từ góc độ luật pháp và chính trị quốc tế. Phần đầu của bài viết nhìn nhận vấn đề BĐKH từ cách tiếp cận “quyền”. Phần thứ hai trình bày sự tiến triển của các chương trình nghị sự quốc tế nhằm thiết lập mối liên hệ giữa BĐKH và QCN. Phần cuối của bài viết phân tích những luận điểm xoay quanh việc gắn kết BĐKH với QCN và các hành động tiếp theo.

1. Biến đổi khí hậu từ cách tiếp cận “quyền”

Cho đến nay, nhận thức về các tác động tiêu cực của BĐKH đã ngày càng trở nên rõ ràng. Theo các nhà khoa học, BĐKH thậm chí có thể làm đảo lộn những tiến bộ kinh tế - xã hội và những thành tựu phát triển con người mà thế giới đã đạt được trong nhiều thập kỷ qua. BĐKH đang gây ra các nguy cơ mất an ninh lương thực, nguồn nước, năng lượng...do lũ lụt, hạn hán, mất đất nông nghiệp và các kiểu thời tiết khắc nghiệt khác trở nên phổ biến. BĐKH

cũng còn làm cho xung đột xuất hiện nhiều hơn do các tranh chấp về nguồn nước, mùa vụ và sử dụng đất khiến cho bất ổn leo thang ở nhiều khu vực trên thế giới như ở Tây và Trung Phi, Trung Đông, Mỹ Latinh... Những tác động đó đang ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đối với việc hưởng thụ và thực thi các quyền cơ bản như quyền được sống, quyền được có lương thực, nước uống, việc làm, nhà ở, quyền được bảo vệ trong xung đột, quyền có được sức khỏe và quyền được hưởng thụ một môi trường sống trong lành,... của nhiều cá nhân và cộng đồng người trên thế giới.

* Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

** Đại học Tây Bắc

Đặc biệt, BĐKH khoét thêm bất bình đẳng giữa những người giàu với người nghèo trong xã hội, và giữa các nước phát triển (PT) với các nước đang phát triển (ĐPT) - nhóm nước phát thải khí nhà kính ít hơn song lại chịu tác động tiêu cực nhiều hơn của hoạt động phát thải này, đồng thời năng lực đối phó và giảm thiểu tác động này cũng kém hơn. Sự bất bình đẳng còn thể hiện ở chỗ khi toàn thể nhân loại nỗ lực giảm thiểu phát thải khí nhà kính thì những người giàu và những nước PT lại đang có sự “*phát thải xa xỉ*”, hay phát thải một lượng lớn khí nhà kính để thỏa mãn những nhu cầu xa xỉ của mình, còn những người nghèo và những nước ĐPT thậm chí còn chưa thể “*phát thải sinh tồn*”, hay phát thải khí nhà kính chỉ để thỏa mãn những nhu cầu sinh tồn cơ bản của mình¹. Nói một cách khác, “*được phát thải sinh tồn*” chính là một trong những quyền cơ bản của con người, vì điều đó là để đáp ứng những nhu cầu cơ bản như nhu cầu về lương thực, nước uống, nhà ở và duy trì sức khỏe... của mỗi cá nhân.

Nếu như nhìn nhận từ khía cạnh “*quyền*” hay về mặt đạo đức, sự bất bình đẳng đó đòi hỏi phải có sự “*đối xử công bằng*” trong một cơ chế phòng chống biến đổi khí hậu “*bình đẳng*”². Vì vậy, Tuyên bố của Hội nghị Thượng đỉnh trái đất tại Rio de Janeiro năm 1992 (Tuyên bố Rio) và Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) đã nêu ra nguyên tắc “*trách nhiệm chung nhưng có sự khác biệt*” giữa các nước PT và ĐPT đối với vấn đề BĐKH toàn cầu (Điều 3). Nguyên tắc này mặc dù nhấn mạnh rằng mọi nước trên thế giới có trách nhiệm chung đối với bảo vệ môi trường, song yêu cầu xem xét đến sự khác biệt (mang

tính chất lịch sử) giữa các nước trong việc góp phần gây ra vấn đề BĐKH, cũng như khả năng của các nước nhằm ngăn ngừa, hạn chế và kiểm soát các nguy cơ do BĐKH gây ra. Năm 1996, Viện Tài sản toàn cầu đã đưa ra sáng kiến “*cắt giảm và hội tụ*” (contraction-and-convergence, viết tắt là C&C) để điều tiết mức độ phát thải của các nhóm nước PT và ĐPT. Ý tưởng của sáng kiến này là thiết lập một khung khổ điều tiết phát thải trong dài hạn nhằm giảm mức độ phát thải khí nhà kính tổng thể, đồng thời đem lại sự phát thải bình đẳng cho mỗi cá nhân trên toàn cầu. Theo đó, các nước PT sẽ tiến hành từng bước giảm mức độ phát thải, trong lúc các nước ĐPT vẫn có thể tăng lượng phát thải trong một khoảng thời gian nhất định, cho đến khi mức phát thải của hai nhóm nước tương đương nhau. Để tạo ra sự bình đẳng giữa các nước phát thải, Nghị định thư Kyoto năm 1997 cũng đã thiết lập khung khổ cho thị trường khí thải toàn cầu, cho phép nước nào không sử dụng hết lượng quota về khí thải của mình được bán lại cho các nước khác.

Nhìn chung, các nỗ lực kể trên chỉ chú trọng đến khía cạnh phân phối công bằng nguồn tài sản chung của nhân loại là khí hậu toàn cầu, dựa trên những tính toán về chi phí – lợi ích kinh tế, chứ chưa thực chất quan tâm nhiều đến những vi phạm đối với QCN và các giải pháp để ngăn ngừa những vi phạm này³. Hơn nữa, việc sử dụng các luận điểm về “*công bằng*” trong hưởng thụ các “*quyền*” để thực hiện mục tiêu phân phối nói trên dẫn đến một vấn đề về mặt đạo đức môi trường là cộng đồng quốc tế dường như đang cổ vũ cho “*quyền được phát thải*” hoặc “*quyền được gây ô nhiễm*”. Vì thế, việc bảo đảm các QCN hay “*quyền*” nói chung trước tác động của BĐKH đang có xu hướng bị biến thành phương tiện thay vì là mục tiêu cuối cùng.

¹ Agarwal, Anil, and Sunita Narain (1991): *Global Warming in an Unequal World: A Case of Environmental Colonialism*. Centre for Science and Environment.

² International Council of Human Rights Policy (ICHRP) (2008): *Human Rights and Climate Change: A Rough Guide*, Versoix, Switzerland, p. 9.

³ ICHRP (2008): đã dẫn, p. 11.

Bảng 1: Phát thải khí các bon bình quân đầu ngườiĐơn vị: tấn CO₂

Nước/Năm	2000	2002	2004	2006
Canada	18,17	18,12	19,13	18,81
Mỹ	20,76	20,24	20,37	19,78
Bình quân khu vực Bắc Mỹ	16,47	16,07	16,20	15,85
Brazil	1,96	1,93	1,94	2,01
El Salvador	0,90	0,91	0,91	0,92
Guatemala	0,82	0,89	0,91	0,90
Haiti	0,20	0,22	0,21	0,21
Bình quân khu vực Trung và Nam Mỹ	2,36	2,33	2,41	2,51
Pháp	6,58	6,50	6,65	6,60
Đức	10,43	10,41	10,58	10,40
Ý	7,77	7,81	8,09	8,05
Anh	9,43	9,41	9,66	9,66
Bình quân khu vực châu Âu	7,76	7,76	8,02	7,99
Bahrain	31,96	33,29	34,14	38,44
Qatar	46,61	37,11	45,99	61,19
Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất	35,95	34,80	34,17	35,05
Bình quân khu vực Trung Đông	6,56	6,77	7,38	8,04
Burundi	0,06	0,06	0,05	0,05
Cộng hòa Chad	0,02	0,02	0,02	0,02
Rwanda	0,09	0,09	0,08	0,09
Somalia	0,10	0,09	0,09	0,08
Bình quân khu vực châu Phi	1,12	1,10	1,17	1,16
Trung Quốc	2,34	2,68	3,73	4,58
Ấn Độ	1,01	0,99	1,07	1,16
Nhật Bản	9,50	9,46	9,87	9,78
Hàn Quốc	9,41	9,76	10,09	10,53
Singapore	26,67	26,27	29,03	31,41
Việt Nam	0,61	0,76	0,99	1,09
Bình quân khu vực châu Á và châu Đại Dương	2,17	2,31	2,75	3,07
Bình quân thế giới	3,96	3,99	4,31	4,48

Nguồn: US Energy Information Administration: International Energy Annual 2006.

2. Tiến triển của chương trình nghị sự quốc tế về BĐKH và QCN

Mối quan tâm của cộng đồng quốc tế đến việc gắn kết giữa BĐKH với QCN mới chỉ xuất hiện gần đây. Đặc biệt, kể từ năm 2005 khi một loạt nước thuộc diện dễ bị tổn thương trước BĐKH, các nhóm bản địa, và các tổ chức phi chính phủ (NGOs) đã bắt đầu có những hoạt động rầm rộ để tuyên truyền và giải thích về mối liên hệ này.

Có ba nguyên nhân khiến việc gắn kết này nhận được sự quan tâm sâu sắc hơn:

Thứ nhất, trong bối cảnh khẩn cấp như hiện nay các nước vẫn chưa thể có được nhiều nỗ lực chung và hiệu quả, để đối phó và giảm thiểu tác động của vấn đề BĐKH toàn cầu. Điều này thể hiện qua sự tiến triển chậm chạp của chương trình nghị sự quốc tế về BĐKH⁴. Các nước bị tác động nhiều bởi BĐKH ngày càng trở nên thất vọng trước tốc độ chậm chạp của những tiến bộ trong giải quyết vấn đề BĐKH bằng cách sử dụng các phương pháp tiếp cận khoa học kỹ thuật - chính trị truyền thống. Điều này đòi hỏi cần có một cách tiếp cận mới, bổ sung.

Thứ hai, các nước đã đạt được một sự đồng thuận rằng, các cuộc tranh luận cần tập trung và hướng vào các nạn nhân của vấn đề BĐKH là các cá nhân và cộng đồng dân cư trên khắp thế giới.

Thứ ba, hầu hết các nhóm người có nguy cơ bị tổn thương cao do BĐKH ngày càng thất vọng bởi việc thiếu vắng các cơ chế giải trình trách nhiệm trước các hành động thiếu trách

nhiệm của một số nhóm người, song lại gây ra các hậu quả đối với các nhóm người khác. Sự thất vọng này cũng còn do mối quan hệ bất bình đẳng về quyền lực xoay quanh vấn đề BĐKH, đặc biệt là mối quan hệ giữa “giữa trách nhiệm đối với BĐKH” và “tổn thương trước tác động của BĐKH”⁵.

Tháng 12/2005, lần đầu tiên, vấn đề BĐKH đã được chính thức gắn với QCN khi một liên minh của người Inuit ở Canada và Mỹ đã đệ đơn kiện lên Ủy ban Nhân quyền liên Mỹ cáo buộc rằng các quyền của nguyên đơn đã bị vi phạm do Mỹ không thể hạn chế việc phát thải khí nhà kính. Vụ kiện này đã đưa ra ý tưởng rằng, BĐKH toàn cầu không hẳn chỉ là một hiện tượng phi vật thể, thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, mà còn là một quá trình rất “nhân văn”, cần được nhìn nhận trong mối tương tác với con người, đặt trong khuôn khổ QCN với các khía cạnh trách nhiệm và công bằng của các bên liên quan. Theo lời của cựu Cao ủy Nhân quyền Liên hợp quốc, Mary Robinson: “*BĐKH đã bắt đầu ảnh hưởng đến việc thực hiện các QCN. Khung khổ QCN chung của chúng ta hiện đã cho phép và trao quyền cho các nước đang phát triển và các cộng đồng nghèo khó để yêu cầu bảo vệ những quyền này*”⁶. Hội đồng Chính sách Nhân quyền cũng đã ghi trong Bản báo cáo hướng dẫn sơ bộ BĐKH và QCN: “*nếu một thực tế, biến đổi khí hậu đã làm suy yếu việc thực hiện một loạt QCN được cộng đồng quốc tế bảo vệ*”⁷.

Thành công đầu tiên đáng ghi nhận là ngày 28/3/2008, Maldives cùng với 78 đồng bảo trợ đã đạt được sự đồng thuận đối với việc thông qua Nghị quyết số 7/2.3 của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc về “QCN và BĐKH”. Đây là lần đầu tiên một nghị quyết Liên hợp quốc

⁴ Hội nghị Liên hợp quốc về BĐKH lần thứ 16 được tổ chức tại Cancun, Mexico, năm 2010 là nỗ lực gần đây nhất của gần 200 quốc gia trên thế giới nhằm tìm kiếm một giải pháp toàn cầu ứng phó với BĐKH. Việc hội nghị này vẫn chưa đạt được thỏa thuận thay thế Nghị định thư Kyoto hết hiệu lực vào năm 2012 đã cho thấy phần nào những xung đột dai dẳng về lợi ích kinh tế giữa các quốc gia, đặc biệt là giữa các nước công nghiệp phát triển với các nước đang phát triển, nhất là các nền kinh tế mới nổi.

⁵ Limon, Marc. (2009): *Human Rights and Climate Change: Constructing a Case for Political Action*, Harvard Environmental Law Review, Volume 33 (2).

⁶ *Rights Focus Sought over Climate*, B.B.C. NEWS, Dec. 11, 2006, <http://www.news.bbc.co.uk/2/hi/europe>.

⁷ ICHRP (2008): *đã dẫn*

chính thức nêu rõ BĐKH: "đặt ra một mối đe dọa trực tiếp và sâu rộng đối với người dân và các cộng đồng người trên khắp thế giới và có tác động đối với việc hưởng thụ đầy đủ các QCN"⁸. Nghị quyết số 7/23 cũng yêu cầu Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên hợp quốc (OHCHR) chuẩn bị một nghiên cứu kỹ lưỡng về mối liên quan giữa BĐKH và QCN để trình lên Hội đồng Nhân quyền.

Bản báo cáo của OHCHR đã liên hệ đến Tuyên bố năm 1972 của Hội nghị Môi trường của Liên hợp quốc "Tuyên bố Stockholm" về "thừa nhận chung sự phụ thuộc lẫn nhau và mối quan hệ tương tác giữa QCN và môi trường" và "các cơ chế hiệp ước về QCN của Liên hợp quốc nhận ra những liên kết nội tại giữa môi trường và việc thực hiện của một loạt các QCN"⁹. Đồng thời, bản báo cáo cũng khẳng định sự nóng lên của trái đất "sẽ có thể tác động đến việc hưởng thụ đầy đủ các QCN" song một số quyền có thể chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất như quyền được sống, quyền có lương thực đầy đủ, quyền có nước uống, quyền có sức khỏe, quyền về nhà ở phù hợp, và quyền tự quyết. Hơn nữa, bản báo cáo cũng nhấn mạnh ảnh hưởng của BĐKH đối với các cá nhân, quốc gia và cộng đồng trên thế giới, đặc biệt là các quốc đảo nhỏ và các nhóm nước có vùng đồng bằng ven biển thấp cũng như các nước chịu nhiều lũ lụt và hạn hán¹⁰.

Cuối cùng, ngày 25/3/2009, Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết 10/4 về "QCN và BĐKH". Nghị quyết ghi chú rằng: "BĐKH có tác động nhiều mặt, cả trực tiếp và gián tiếp, đối với việc hưởng thụ hiệu quả các QCN". Nghị quyết cũng đặc biệt nhấn mạnh ảnh hưởng của BĐKH đối với những

nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất do các yếu tố như địa lý, đói nghèo, giới tính, độ tuổi, nhóm dân tộc bản địa, ít người...

3. Luật hóa mối liên hệ giữa BĐKH và QCN

Một vấn đề nảy sinh là hành động tiếp theo của cộng đồng quốc tế sau khi công nhận có mối liên hệ giữa BĐKH và QCN. Một trong những câu hỏi đặt ra là: Phải chăng cần tiến hành luật hóa vấn đề này trong các khung khổ quốc tế? Ở đây, quan điểm của một số nước rất khác nhau, ngay cả giữa các nước PT vốn luôn nêu vấn đề QCN trong quan hệ với các nước ĐPT. Một số nước như Anh cho rằng chỉ nên luật hóa trong phạm vi quốc gia. Trong khi đó, Mỹ cho rằng mặc dù mối liên hệ giữa BĐKH và QCN là một thực tế song đó không phải là một vấn đề của luật pháp quốc tế¹¹.

Quan điểm cho rằng việc gắn vấn đề BĐKH với QCN là không khả thi về mặt pháp lý quốc tế dựa trên các lập luận rằng:

Thứ nhất, người ta có thể nêu ra nhiều loại QCN song rất khó thực thi các quyền này trong bối cảnh BĐKH. BĐKH có thể tác động đến nhiều loại quyền vốn không có các cơ chế thực thi một cách hiệu quả như quyền của người di cư, quyền được bảo vệ trong xung đột... Ngay cả những quyền đã được pháp luật bảo vệ rõ ràng như quyền được sống, quyền được sở hữu tài sản... cũng không có được các cơ chế thi hành như thông thường, vì BĐKH có thể chi tác động gián tiếp đến các quyền này.

Hơn nữa, việc gắn kết vấn đề BĐKH và QCN trong các chương trình nghị sự và chính sách sẽ làm nảy sinh một khó khăn trong thực tế là khả năng hạn chế của các thể chế và nguồn nhân lực chuyên sâu trong vấn đề BĐKH khi phải giải quyết các vấn đề về QCN và ngược lại¹².

⁸ Nghị quyết số 7/23, UNHCR.

⁹ Tuyên bố năm 1972 của Hội nghị Môi trường của Liên hợp quốc

¹⁰ Office of the U.N. High Commissioner for Human Rights (OHCHR, 2009): *Report of the Office of the U.N. High Commissioner for Human Rights on the Relationship Between Human Rights and Climate Change*, U.N. Doc. A/HRC/10/61, Jan. 15.

¹¹ Limon (2009): đã dẫn, pp. 445, 446

¹² McInerney-Lankford, Siobhan (2009): *Climate Change and Human Rights: An Introduction to Legal Issues*, Harvard Environmental Law Review, Vol. 33 (2), p. 435

Thứ hai, trên thực tế rất khó xác định trách nhiệm giải trình liên quan đến tác động của BĐKH đối với QCN. Trước hết, việc xác định trách nhiệm giải trình trong trường hợp này cần phân biệt rõ tác động của BĐKH đối với con người nói chung với tác động của BĐKH đối với QCN nói riêng¹³.

Ngay cả khi vấn đề trên đã được phân biệt rõ thì cũng rất khó xác định trách nhiệm giải trình theo phạm vi lãnh thổ. Theo luật pháp về QCN, chính phủ của một nước sẽ phải có trách nhiệm khi QCN bị vi phạm trong phạm vi lãnh thổ nước mình. Tuy nhiên, trách nhiệm giải trình về tác động (mang tính chất xuyên biên giới) của BĐKH đối với QCN thường không gắn với chính phủ nơi xảy ra tác động mà có thể ở nước khác.

Nếu nói về mức độ tác động, các nước nghèo không phải là đối tượng chủ yếu phát thải khí nhà kính song lại là những nước có nhiều khả năng bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất của BĐKH. Tác động của BĐKH đối với QCN sẽ nghiêm trọng hơn ở các nước kém phát triển hơn song không thể đổ lỗi cho các nước này vì mức độ nghiêm trọng hơn đó. Hơn nữa, BĐKH là kết quả của cả các hoạt động hiện tại và quá khứ, một phần do con người gây ra, song một phần khác cũng còn do sự biến đổi của tự nhiên. Điều đó có nghĩa rằng rất khó truy cứu một cách chính xác trách nhiệm của những đối tượng có thể gây ra vấn đề BĐKH.

Ngoài ra, việc hưởng thụ và thực thi quyền QCN của các nhóm đối tượng khác nhau có thể xung đột với nhau trong trường hợp BĐKH. Ví dụ, một số đối tượng cũng có thể đòi hỏi các quyền kinh tế và quyền sở hữu tài sản (như đối với đất đai, tài nguyên) để ngăn chặn nỗ lực chống lại BĐKH nhằm bảo vệ QCN của những đối tượng dễ bị tổn thương¹⁴. Các quyền khác của con người như văn hóa, tôn giáo, đoàn tụ gia đình... cũng có thể xung đột với các chính sách chống BĐKH.

Thứ ba, theo cách hiểu truyền thống thì QCN được sử dụng như một công cụ để chống lại mở rộng quyền lực của nhà nước. Vì vậy, từ góc độ chính trị, nhiều chính phủ có thể lo lắng rằng việc chính thức công nhận mối liên hệ giữa các QCN và BĐKH có thể tạo ra một vũ khí chính trị hay pháp lý chống lại chính mình. Ví dụ, một số nước PT cho rằng các nước ĐPT có thể sử dụng vấn đề BĐKH như là một "cửa sau" để nêu ra những vấn đề vốn gây nhiều tranh cãi như xây dựng một quyền mang tính phổ quát đối với "một môi trường an toàn toàn cầu". Trong khi đó, các nước ĐPT có thể nghi ngại rằng phương Tây muốn sử dụng QCN như một công cụ để hạn chế sự phát triển của mình (ví dụ, đòi hỏi các nước ĐPT phải làm chậm lại quá trình công nghiệp hóa) hoặc nêu ra các điều kiện đối với các nguồn tài trợ nhằm giảm thiểu tác động của BĐKH¹⁵.

Một thực tế nữa là BĐKH có thể gây ra các thảm họa như: hạn hán, lũ lụt, đói kém, di dân ồ ạt, chiến tranh, là những vấn đề ảnh hưởng đến số lượng lớn người dân. Trong hoàn cảnh như vậy, các chính phủ thường tuyên bố tình trạng khẩn cấp. Luật pháp quốc tế về QCN và hiến pháp của các nước hầu hết cho phép tạm thời đình chỉ hoặc hạn chế nhiều nhóm QCN trong những tình huống khẩn cấp. Chính vì vậy, việc bảo đảm QCN trong những tình huống này không chỉ gặp khó khăn về mặt triển khai hoạt động trên thực tế mà còn gặp khó khăn cả về mặt cơ sở pháp lý.

Ngược lại, quan điểm ủng hộ việc gắn kết BĐKH với QCN dựa trên các lập luận sau:

Trước tiên, việc gắn kết BĐKH với QCN được dựa trên một nền tảng triết lý mới về đạo đức môi trường. Thay vì xem tác động của BĐKH đối với con người như là luận cứ để tăng cường nỗ lực bảo vệ môi trường, triết lý này nhìn nhận và đánh giá cách thức con người đối xử với con người thông qua đối xử với môi

¹³ McInerney-Lankford (2009): p. 434

¹⁴ Tòa án quốc tế đã có phán quyết rõ ràng rằng, không được lạm dụng quyền sở hữu để gây tổn hại đến môi trường.

¹⁵ Limon (2009): đã dẫn, pp. 460, 461

trường¹⁶. Một trong những sự bất bình đẳng mà triết lý này chỉ ra là sự khác nhau về quyền lực liên quan đến môi trường. Những người có lợi thế về môi trường là những người giàu ở các nước PT có thể di chuyển tác động của suy thoái môi trường theo không gian và thời gian (ở nơi khác và trong tương lai), đến những người nghèo ở các nước ĐPT, cũng là nhóm người có bất lợi thế về môi trường, thông qua các hoạt động như thương mại, đầu tư ra nước ngoài và tiêu dùng xa xỉ. Chính vì yêu cầu phải thay đổi cách thức con người đối xử với con người nên việc bảo đảm QCN trong BĐKH không còn đơn thuần là đòi hỏi về mặt đạo đức mà cần trở thành nghĩa vụ pháp lý của cộng đồng quốc tế. Hiện tại, các chế tài trong luật môi trường quốc tế còn tương đối yếu, song lại tương đối chặt chẽ trong luật pháp quốc tế về QCN. Do đó, việc gắn kết BĐKH với QCN có thể làm cho các chế tài và các nỗ lực chống lại việc BĐKH trở nên có hiệu quả hơn.

Thứ hai, một trong các thiếu sót quan trọng của hoạt động ngoại giao gần hai thập kỷ qua trong lĩnh vực BĐKH là coi BĐKH như là một chủ đề của khoa học tự nhiên. “Lãng kính QCN” của BĐKH tạo ra sự thay đổi trong các cuộc thảo luận, từ chỗ tập trung vào khía cạnh khoa học tự nhiên sang tập trung vào khía cạnh nhân văn và xã hội, nói một cách khác là tới tác động của BĐKH đối với mỗi cá nhân, cộng đồng và cuộc sống của họ. Đặc biệt, trong khi các cuộc thảo luận hiện nay đang tập trung vào các nỗ lực nhằm giảm thiểu và thích ứng với BĐKH thì có một thực tế rằng các biện pháp nhằm giảm thiểu và thích ứng này vẫn có thể xâm phạm đến QCN. Vì vậy, các tiêu chuẩn về QCN sẽ cung cấp các “ngưỡng tối thiểu” cho các cuộc tranh luận về BĐKH, đặc biệt khi các tính toán về các tác động dự kiến của BĐKH đều chưa thể chính xác.

Thứ ba, việc tập trung sự chú ý vào các cá nhân có thể giúp tạo ra các giá trị chung trong quá trình hoạch định chính sách, từ đó giúp xây dựng các chính sách tốt hơn ở cả tầm quốc gia và quốc tế. Sử dụng khuôn khổ QCN và hướng các cuộc tranh luận BĐKH vào cấp độ cá nhân sẽ giúp khuếch đại tiếng nói của những người bị ảnh hưởng bởi BĐKH, đặc biệt là nhóm người nghèo, thiệt thòi và dễ bị tổn thương (bao gồm cả phụ nữ, trẻ em, cộng đồng bản địa, và người già), đồng thời cũng là những nhóm người ít được lắng nghe, theo nghĩa tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng trước luật pháp quốc tế.

*

*

*

Vấn đề luật hóa mối liên hệ giữa BĐKH và QCN vẫn đang tiếp tục được thảo luận bởi cộng đồng quốc tế. Việc thông qua các Nghị quyết số 7/23 và 10/4 là những bước đi quan trọng, song mới chỉ là ban đầu trong nỗ lực kể trên. Nó cho thấy trung tâm của cuộc đàm phán về BĐKH đang dần thay đổi từ chỗ nói về vấn đề đạo đức sang chỗ nói về vấn đề trách nhiệm pháp lý trong cách con người đối xử với con người thông qua đối xử với môi trường. Bảo vệ và bảo đảm QCN không nên chỉ được sử dụng như là luận cứ để đưa ra các tính toán về chi phí – lợi ích bồi thường cho các tác động mà BĐKH gây ra, mà cần phải là mục đích cuối cùng. Điều quan trọng hơn nữa là cộng đồng quốc tế cần xây dựng một cơ chế trách nhiệm giải trình về mặt luật pháp quốc tế liên quan đến BĐKH và QCN, đặc biệt khi mà một số quốc gia đang tận dụng lợi thế về môi trường và phát triển của mình để chuyển những tổn thất do BĐKH gây ra sang những quốc gia khác♦

¹⁶ Wapner, Paul and Richard Matthew (2009): *The Humanity of Global Environmental Ethics*. The Journal of Environment and Development, Vol 18 (2). June.